

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã
năm 2025 trình Hội đồng nhân dân xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Chính phủ và Chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Kế toán – ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã năm 2025 trình Hội đồng nhân dân xã cụ thể như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---|--------------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước | : | 15.073.000.000 đồng, trong đó: |
| Tổng thu ngân sách xã được hưởng: | : | 11.482.000.000 đồng, trong đó: |
| - Thu NS trên địa bàn xã hưởng: | : | 1.406.000.000 đồng |
| - Thu bổ sung từ cấp trên: | : | 10.076.000.000 đồng |
| 2. Tổng chi ngân sách xã: | : | 11.482.000.000 đồng |
| - Chi ĐTXDCB: | : | 180.000.000 đồng |
| - Chi thường xuyên: | : | 11.080.410.000 đồng |

Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2024 để thực hiện CCTL:

- | | |
|-------------|------------------|
| - Dự phòng: | 213.251.900 đồng |
| | 221.590.000 đồng |

(Số liệu chi tiết dự toán thu - chi ngân sách 2025 có báo cáo kèm theo)

Điều 2. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tổ chức công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Văn phòng Ủy ban nhân dân xã; Kế toán - ngân sách xã và Thủ trưởng các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Thư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**



Sơn Kim 1, ngày 25 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN
**Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách
năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND xã Sơn Kim 1 về việc công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã khác năm 2025 trình Hội đồng nhân dân xã;

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 24/12/2022 tại trụ sở UBND xã Sơn Kim 2 tiến hành lập biên bản niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023 trình Hội đồng nhân dân xã, cụ thể như sau:

- Thành phần:

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| + Ông: Hoàng Văn Thư | - Chủ tịch UBND |
| + Ông: Phan Thanh Tùng | - Phó Chủ tịch Ủy ban |
| + Ông: Đỗ Thế Anh | - P. Chủ tịch Hội đồng |
| + Bà: Lê Thị Thu Hà | - VPTK - Thư ký |
| + Ông: Nguyễn Văn Khuyến | - Kế toán Ngân sách |
| + Bà: Nguyễn Thị Thúy | - Thanh tra nhân dân |

- Chủ tọa: Ông Hoàng Văn Thư - Chủ tịch UBND xã

- Ghi chép: Bà Lê Thị Thu Hà - VPTK UBND xã

- Nội dung:

Ông Hoàng Văn Thư - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

+ Công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 trình Hội đồng nhân dân xã (*Chi tiết có biểu mẫu số liệu đính kèm biên bản*)

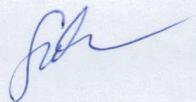
+ Hình thức công khai: Niêm yết tại Một cửa trụ sở UBND xã;

+ Thời gian công khai: Để có tài liệu phục vụ họp kỳ Hội đồng nhân dân, các thành phần tham gia thống nhất thời gian công khai 3 ngày kể từ ngày niêm yết.

+ Giao bộ phận tài chính ngân sách xã phối hợp với Văn phòng UBND xã tổng hợp các ý kiến phản hồi trong quá trình công khai.

Buổi làm việc kết thúc vào hồi 10 giờ cùng ngày, các thành phần tham gia được thông qua và cùng thống nhất các nội dung./.

GHI CHÉP



Lê Thị Thu Hà



Hoàng Văn Thư

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	11.482.000.000	TỔNG SỐ CHI	11.482.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	80.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	180.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.326.000.000	II. Chi thường xuyên	10.867.158.100
III. Thu bổ sung	10.076.000.000	III. Dự phòng	221.590.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	10.076.000.000	IV. Tiết kiệm 10% chi TX	213.251.900
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN		NSNN	THU NSX
	Tổng số thu	13.749.090.698	12.170.984.043	15.073.000.000	11.482.000.000	109,63	94,34
I	Các khoản thu 100%	30.691.941	25.888.790	80.000.000	80.000.000	260,65	309,01
1	Phí, lệ phí	21.089.000	21.089.000	40.000.000	40.000.000	189,67	189,67
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ quỹ đất công ích						
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	3.500.000	3.500.000				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	42.174.745	42.174.745	40.000.000	40.000.000		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.637.782.857	1.064.479.353	4.917.000.000	1.326.000.000	186,41	124,57
1	Các khoản thu phân chia	58.475.156	49.070.003	62.000.000	50.000.000	106,03	101,90
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.755.345	1.755.345	2.000.000	2.000.000		
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.850.000	8.850.000				
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	56.719.811	47.314.658	60.000.000	48.000.000	105,78	101,45
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	5.380.000.000	1.396.952.240	4.855.000.000	1.276.000.000	90,24	91,34
21	Thu tiền sử dụng đất	1.373.505.550	557.977.293	400.000.000	180.000.000	29,12	32,26
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	54.652.641	29.884.739	50.000.000	15.000.000	91,49	50,19
23	Thuế tài nguyên	1.224.923.700	209.986.920	1.750.000.000	525.000.000		
24	Thuế giá trị gia tăng	2.582.289.816	570.177.629	2.000.000.000	420.000.000	77,45	73,66
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.628.293	28.925.659	655.000.000	136.000.000	452,89	470,17

26	Thuế thu nhập cá nhân						
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	389.893.500	389.893.500				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	15.182.004.300	15.182.004.300	10.076.000.000	10.076.000.000	66,37	66,37
1	Thu bổ sung cân đối	7.156.882.300	7.156.882.300	10.076.000.000	10.076.000.000	140,79	140,79
2	Thu bổ sung có mục tiêu	8.025.122.000	8.025.122.000				

